TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 98/2020/QĐST-HNGĐ	*Đông Triều, ngày 19 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 568/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ L tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của L hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Văn L có hai con chung tên Trịnh Thị Kim A, sinh ngày 26/3/2013 và Trịnh Tuyết N, sinh ngày 30/12/2015.

Giao hai con chung tên Trịnh Thị Kim A, sinh ngày 26/3/2013 và Trịnh Tuyết N, sinh ngày 30/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2.2. Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trịnh Văn L không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con chung và không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không cố định.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Chị Nguyễn Thị L và anh Trịnh Văn L không có tài sản chung, không có nợ chung.

2.4. Về án phí "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) (trong đó có 75.000đ chị L nhận nộp cho anh L), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004402 ngày 26/12/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, chị Phương đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004402 ngày 26/12/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp L ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Bắc